TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N** ---------- Số: 72/2022/ QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *V, ngày 09 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị S,** sinh năm 1973
Trú tại: thôn B, xã Gia V, huyện V, tỉnh N
và Bị đơn: **Anh Lê Văn D**, sinh năm 1967
Trú tại: thôn B, xã Gia V, huyện V, tỉnh N.

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình
- Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị S,** sinh năm 1973
Trú tại: thôn B, xã Gia V, huyện V, tỉnh N
và Bị đơn: **Anh Lê Văn D**, sinh năm 1967
Trú tại: thôn B, xã Gia V, huyện V, tỉnh N

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị S và anh Lê Văn D về các vấn đề khác cụ thể nh- sau:

2.1: Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Văn D cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung; Cháu lớn là Lê Văn A, sinh ngày 07/10/1995; Cháu bé là Lê Văn Đ, sinh ngày 04/10/1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên chị S, anh D không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết về quan hệ con chung. Do vậy về quan hệ con chung Tòa án không xem xét giải quyết.

2.2 Về tài sản và công nợ chung: Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Văn D cùng xác nhận vợ chồng không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về quan hệ tài sản chung.

Về công nợ chung: Chị S anh D cùng xác nhận vợ chồng không có công nợ chung không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết

Do vậy về tài sản chung, công nợ chung Tòa án không xem xét giải quyết

2.3 Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn. Được khấu trừ 150.000 đồng và trả lại chị Nguyễn Thị S 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2021/0004076 ngày 06/10/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện V;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện V*
- *Các đ- ơng sự;*
- *UBND xã Gia V;*
- *L- u hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Hà Thiện Thành